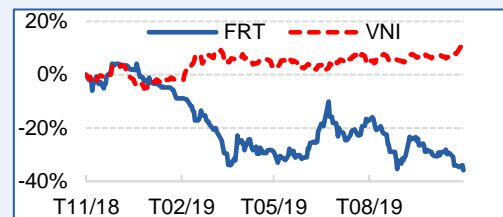


Ngành:	Bán lẻ		2018	2019F	2020F	2021F
Ngày báo cáo:	11/11/2019	Tăng trưởng DT	16,4%	12,7%	10,6%	8,4%
Giá hiện tại:	40.800VND	Tăng trưởng EPS	20,0%	-9,0%	15,3%	-0,6%
Giá mục tiêu hiện tại:	39.800VND	Biên LN gộp	13,4%	12,8%	13,2%	13,5%
Giá mục tiêu trước đây:	54.000VND	Biên LN ròng	2,3%	1,8%	1,9%	1,8%
TL tăng:	-2,5%	EV/EBITDA	8,4x	8,5x	7,9x	8,1x
Lợi suất cổ tức:	2,5%	Giá CP/Dòng tiền HD	NM	8,3x	8,5x	8,9x
Tổng mức sinh lời:	0,0%	P/E	9,5x	10,4x	9,0x	9,1x



GT vốn hóa:	138,3tr USD	FRT	MWG	VNI	
Room KN:	270.000USD	P/E (trượt)	9,3x	14,7x	16,6x
GTGD/ngày (30n):	84.000USD	P/B (hiện tại)	2,5x	4,8x	2,4x
Cổ phần Nhà nước:	0%	Nợ ròng/CSH	1,0x	0,2x	N/A
SL cổ phiếu lưu hành:	79,0tr	ROE	30,4%	37,7%	14,8%
Pha loãng:	79,0tr	ROA	7,2%	12,7%	2,5%
PEG 3 năm:	1,5				

**Tổng quan công ty**  
Được thành lập năm 2012, FPT Retail đã nhanh chóng trở thành nhà bán lẻ ĐTDĐ lớn thứ hai ở Việt Nam. Nhằm duy trì tăng trưởng dài hạn, công ty đã tham gia vào thị trường bán lẻ dược phẩm với chuỗi nhà thuốc Long Châu.

**Đặng Văn Pháp, CFA**  
Phó Giám đốc

## Các sáng kiến mới cho mảng bán lẻ điện thoại chưa đạt kỳ vọng ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng

- Chúng tôi hạ khuyến nghị cho CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) từ KHẢ QUAN thành PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG và giảm giá mục tiêu 26%.
- Nguyên nhân dẫn đến việc hạ khuyến nghị đến từ nhận định thận trọng hơn của chúng tôi về triển vọng mảng kinh doanh điện thoại của FRT do (1) cạnh tranh gay gắt từ công ty đứng đầu thị trường là CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG), đặc biệt trong bối cảnh tăng trưởng thị trường điện thoại chững lại và (2) các sáng kiến mới cho mảng bán lẻ điện thoại của FRT nhìn chung chưa đạt kỳ vọng.
- Tiến độ mở rộng chuỗi nhà thuốc Long Châu là nhanh hơn kỳ vọng của chúng tôi. Tuy nhiên, do các chi phí đầu tư ban đầu cũng như việc chúng tôi hạ dự phóng doanh số/cửa hàng mới, chúng tôi kỳ vọng chuỗi Long Châu sẽ chỉ bắt đầu có LN ròng kể từ năm 2022 trở đi so với kỳ vọng trước đây là 2020.
- Chúng tôi giảm dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2019F/2020F/2021F lần lượt 21%/21%/28% do chúng tôi giảm dự phóng biên lợi nhuận gộp mảng điện thoại trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng cũng như việc điều chỉnh dự phóng LN ròng kể trên cho Long Châu. Lợi nhuận năm 2019F còn bị ảnh hưởng bởi dự phòng nợ xấu bất thường được ghi nhận trong quý 4/2019, sau khi đã dự phòng 1 phần trong quý 3/2019.
- Yếu tố tích cực tiềm năng: tăng trưởng ngành điện thoại tốt hơn kỳ vọng; việc mở rộng Long Châu và khả năng sinh lời của chuỗi tốt hơn kỳ vọng; triển khai mảng kính mát đem lại kết quả tích cực.
- Rủi ro: thị phần giảm do MWG tiếp tục mở rộng các điểm bán điện thoại; rủi ro hàng tồn kho từ việc triển khai bán kính mát; tốc độ mở rộng chuỗi nhà thuốc Long Châu chững lại.

**Chúng tôi cho rằng tăng trưởng lợi nhuận của FRT sẽ đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong bối cảnh tăng trưởng thị trường điện thoại chững lại trong khi chuỗi nhà thuốc của công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu triển khai.** Khác với MWG, vốn ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ từ chuỗi Điện Máy Xanh trong giai đoạn công ty phát triển chuỗi Bách Hóa Xanh, FRT chưa có một mảng kinh doanh khác để làm cầu nối lúc tăng trưởng chuỗi điện thoại đang chậm lại còn mảng kinh doanh mới là nhà thuốc vẫn đang trong những giai đoạn phát triển đầu tiên. Tuy số lượng đặt trước iPhone 11 khả quan cho thấy doanh số mảng bán lẻ điện thoại có thể tích cực trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng mảng kinh doanh điện thoại của FRT sẽ đối mặt với thách thức ở 2 khía cạnh trong trung hạn: (1) tăng trưởng ngành hạn chế; theo công ty nghiên cứu thị trường GFK, thị trường thiết bị viễn thông (chủ yếu là điện thoại di động) tại Việt Nam đã ghi nhận mức giảm 4,5% YoY theo giá trị trong 9 tháng 2019; và (2) cạnh tranh gia tăng từ MWG khi MWG tiếp tục mở rộng các điểm bán điện thoại.

**Các sáng kiến mới cho mảng kinh doanh điện thoại của FRT chưa đạt kỳ vọng.** Theo ban lãnh đạo, chương trình F.Friends của FRT đóng góp dưới 4% trong tổng doanh thu 9 tháng 2019 trong khi chương trình trợ giá nhà mạng cũng đã kết thúc vài tháng trước do một số khó khăn trong hợp tác với các đối tác nhà mạng. Phù hợp với quan điểm của chúng tôi, các dự án khác, như hợp tác với Nguyễn Kim để bán các sản phẩm điện máy trực tuyến hay bắt tay với Fado để làm thương mại điện tử xuyên biên giới, cũng đã dừng lại hoặc đang có tiến triển chậm. Trong khi đó, kế hoạch đẩy mạnh doanh số phụ kiện, dù có cải thiện tốt so với năm trước, cũng đang chậm hơn so với mục tiêu của ban lãnh đạo cũng như dự báo thận trọng hơn của chúng tôi.

**Tiến độ mở rộng chuỗi nhà thuốc Long Châu tăng tốc là một diễn biến tích cực; tuy nhiên, điều này có thể sẽ ảnh hưởng đến LN trong ngắn hạn.** Chúng tôi ước tính doanh số/cửa hàng trung bình theo tháng của nhà thuốc Long Châu đạt 1,5 tỷ đồng trong 9 tháng 2019, cao hơn đáng kể so với mức trung bình của ngành. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu tăng số lượng nhà thuốc Long Châu từ 23 cửa hàng tại thời điểm cuối năm 2018 lên 70 cửa hàng tại thời điểm cuối năm 2019 và 220 cửa hàng tại thời điểm cuối năm 2020 (so với mức dự phóng của chúng tôi là 170 cửa hàng). Việc FRT đang tăng tốc mở rộng Long Châu là một diễn biến tích cực; tuy vậy, trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng động thái này sẽ tạo áp lực chi phí cho công ty khi công ty cần xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cũng như nguồn nhân lực để phục vụ mục tiêu mở rộng chuỗi.

## Báo cáo tài chính

KẾT QUẢ LỢI NHUẬN (tỷ đồng)	2018	2019F	2020F	2021F	BẢNG CƢĐKT (tỷ đồng)	2018	2019F	2020F	2021F
<b>Doanh thu</b>	<b>15.298</b>	<b>17.243</b>	<b>19.073</b>	<b>20.684</b>	Tiền và tương đương	948	1.156	1.344	1.511
Giá vốn hàng bán	-13.255	-15.035	-16.564	-17.889	Đầu tư TC ngắn hạn	4	4	4	4
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>2.044</b>	<b>2.209</b>	<b>2.509</b>	<b>2.795</b>	Các khoản phải thu	238	278	297	313
Chi phí bán hàng	-1.225	-1.408	-1.626	-1.859	Hàng tồn kho	2.506	2.846	2.884	2.980
Chi phí quản lý DN	-358	-357	-393	-457	TS ngắn hạn khác	1.119	1.119	1.119	1.119
<b>LN thuần HĐKD</b>	<b>460</b>	<b>444</b>	<b>490</b>	<b>479</b>	<b>Tổng TS ngắn hạn</b>	<b>4.815</b>	<b>5.403</b>	<b>5.648</b>	<b>5.927</b>
Thu nhập tài chính	43	67	76	83	TS dài hạn (gộp)	54	97	206	317
Chi phí tài chính	-101	-149	-144	-144	- Khấu hao lũy kế	-8	-18	-42	-88
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	<i>-96</i>	<i>-137</i>	<i>-137</i>	<i>-137</i>	TS dài hạn (ròng)	46	80	164	229
Lợi nhuận từ công ty LDLK	0	0	0	0	Đầu tư TC dài hạn	0	0	0	0
Lỗ/lãi thuần khác	32	35	37	37	TS dài hạn khác	307	380	383	386
<b>LNTT</b>	<b>435</b>	<b>397</b>	<b>458</b>	<b>455</b>	<b>Tổng TS dài hạn</b>	<b>352</b>	<b>459</b>	<b>547</b>	<b>615</b>
Thuế TNDN	-87	-84	-101	-102	<b>Tổng Tài sản</b>	<b>5.168</b>	<b>5.862</b>	<b>6.195</b>	<b>6.542</b>
LNST trước CĐTS	<b>348</b>	<b>312</b>	<b>357</b>	<b>353</b>	Phải trả ngắn hạn	706	1.150	1.204	1.277
Lợi ích CĐ thiểu số	0	6	11	13	Nợ ngắn hạn	2.947	2.947	2.947	2.947
<b>LN ròng trừ CĐTS, báo cáo</b>	<b>348</b>	<b>319</b>	<b>369</b>	<b>366</b>	Nợ ngắn hạn khác	356	356	356	356
<b>LN ròng trừ CĐTS, điều chỉnh</b>	<b>348</b>	<b>319</b>	<b>369</b>	<b>366</b>	Tổng nợ ngắn hạn	4.009	4.453	4.507	4.580
EBITDA	548	541	584	568	Nợ dài hạn	0	0	0	0
EPS báo cáo, VND	4.314	3.925	4.527	4.499	Nợ dài hạn khác	0	0	0	0
EPS điều chỉnh <sup>(1)</sup> , VND	4.314	3.925	4.527	4.499	<b>Tổng nợ</b>	<b>4.009</b>	<b>4.453</b>	<b>4.507</b>	<b>4.580</b>
EPS pha loãng, điều chỉnh <sup>(1)</sup> , VND	4.314	3.925	4.527	4.499	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0
DPS, VND	870	1.000	1.000	1.000	Vốn cổ phần	680	790	790	790
DPS/EPS (%)	20%	25%	22%	22%	Thặng dư vốn CP	0	0	0	0
(1) Điều chỉnh khoản mục bất thường					Lợi nhuận giữ lại	454	601	890	1.178
<b>TỶ LỆ</b>	<b>2018</b>	<b>2019F</b>	<b>2020F</b>	<b>2021F</b>	Vốn khác	0	0	0	0
<b>Tăng trưởng</b>					Lợi ích CĐTS	25	19	7	-6
Tăng trưởng doanh thu	16,4%	12,7%	10,6%	8,4%	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.159</b>	<b>1.409</b>	<b>1.688</b>	<b>1.962</b>
Tăng trưởng LN HĐKD	27,2%	-3,6%	10,3%	-2,1%	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>5.168</b>	<b>5.862</b>	<b>6.195</b>	<b>6.542</b>
Tăng trưởng LNTT	19,8%	-8,7%	15,4%	-0,7%	Số cổ phiếu cuối năm, tr	78,2	79,0	79,0	79,0
Tăng trưởng EPS, điều chỉnh	20,0%	-9,0%	15,3%	-0,6%	Cổ cổ phiếu quỹ cuối năm, tr	0,0	0,0	0,0	0,0
<b>Khả năng sinh lời</b>					<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ đồng)</b>	<b>2018</b>	<b>2019F</b>	<b>2020F</b>	<b>2021F</b>
Biên LN gộp %	13,4%	12,8%	13,2%	13,5%	<b>Tiền đầu năm</b>	<b>638</b>	<b>948</b>	<b>1.156</b>	<b>1.344</b>
Biên LN từ HĐ %	3,0%	2,6%	2,6%	2,3%	Lợi nhuận sau thuế	348	319	369	366
Biên EBITDA	3,6%	3,1%	3,1%	2,7%	Khấu hao	1	9	24	46
LN ròng trừ CĐTS điều chỉnh	2,3%	1,8%	1,9%	1,8%	Thay đổi vốn lưu động	-1.832	64	-3	-38
ROE %	35,6%	24,8%	23,8%	20,1%	Điều chỉnh khác	96	-6	-11	-13
ROA %	7,7%	5,8%	6,1%	5,8%	<b>Tiền từ hoạt động KD</b>	<b>-1.387</b>	<b>386</b>	<b>378</b>	<b>361</b>
<b>Chỉ số hiệu quả vận hành</b>					Chi mua sắm TSCĐ, ròng	0	-116	-112	-114
Số ngày tồn kho	58,2	65,0	63,1	59,8	Đầu tư	-105	0	0	0
Số ngày phải thu	6,5	5,5	5,5	5,4	<b>Tiền từ HĐ đầu tư</b>	<b>-105</b>	<b>-116</b>	<b>-112</b>	<b>-114</b>
Số ngày phải trả	30,4	22,5	25,9	25,3	Cổ tức đã trả	0	-69	-79	-79
TG luân chuyển tiền	34,4	47,9	42,7	39,9	Tăng (giảm) vốn cổ phần	0	7	0	0
<b>Thanh khoản</b>					Tăng (giảm) nợ ngắn hạn	1.774	0	0	0
CS thanh toán hiện hành	1,2	1,2	1,3	1,3	Tăng (giảm) nợ dài hạn	0	0	0	0
CS thanh toán nhanh	0,6	0,6	0,6	0,6	Tiền từ các hoạt động TC khác	27	0	0	0
CS thanh toán tiền mặt	0,2	0,3	0,3	0,3	<b>Tiền từ hoạt động TC</b>	<b>1.802</b>	<b>-62</b>	<b>-79</b>	<b>-79</b>
Nợ/Tài sản	57,0%	50,3%	47,6%	45,1%	<b>Tổng lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>310</b>	<b>208</b>	<b>188</b>	<b>167</b>
Nợ/Vốn sử dụng	71,8%	67,7%	63,6%	60,0%	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>948</b>	<b>1.156</b>	<b>1.344</b>	<b>1.511</b>
Nợ/Vốn CSH	172,1%	126,8%	94,7%	73,0%					
Khả năng thanh toán lãi vay	4,8	3,2	3,6	3,5					

## Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Đặng Văn Pháp, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

### Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

**Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị:** Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
<b>MUA</b>	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
<b>KHẢ QUAN</b>	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
<b>PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG</b>	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
<b>BÁN</b>	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
<b>KHÔNG ĐÁNH GIÁ</b>	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
<b>KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN</b>	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

**Rủi ro:** Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

## Liên hệ

### CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

[www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)

#### Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều  
Quận 1, Tp, HCM  
+84 28 3914 3588

#### Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ  
Quận 1, TP, HCM  
+84 28 3914 3588

### Phòng Nghiên cứu và Phân tích

#### Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 28 3914 3588

#### Ngân hàng và Chứng khoán

##### Ngô Hoàng Long, Phó Giám đốc, ext 123

- Điền Đức Minh Nghĩa, Chuyên viên, ext 138
- Đinh Phương Anh, Chuyên viên, ext 139
- Ngô Thị Thanh Trúc, Chuyên viên, ext 116

#### Hàng tiêu dùng và Dược phẩm

##### Đặng Văn Pháp, Phó Giám đốc, ext 143

- Nguyễn Thị Anh Đào, Trưởng phòng, ext 185
- Đào Danh Long Hà, Chuyên viên, ext 194

#### BDS và Vật liệu Xây dựng

##### Lưu Bích Hồng, Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Nguyễn Tuấn Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 174
- Nguyễn Thảo Vy, Chuyên viên cao cấp, ext 147

#### Khách hàng cá nhân

##### Vũ Minh Đức, Trưởng phòng cao cấp, ext 363

- Lê Trọng Nghĩa, Chuyên viên, ext 181
- Vương Thu Trà, Chuyên viên, ext 365
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Chuyên viên, ext 129

### Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

Nguyễn Quốc Dũng

+84 28 3914 3588, ext 136

[dung.nguyen@vcsc.com.vn](mailto:dung.nguyen@vcsc.com.vn)

### Phòng Môi giới khách hàng trong nước

#### Hồ Chí Minh

Châu Thiên Trúc Quỳnh

+84 28 3914 3588, ext 222

[Quynh.chau@vcsc.com.vn](mailto:Quynh.chau@vcsc.com.vn)

#### Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
+84 24 6262 6999

#### Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp, HCM  
+84 28 3914 3588

#### Alastair Macdonald, Giám đốc, ext 105

[alastair.macdonald@vcsc.com.vn](mailto:alastair.macdonald@vcsc.com.vn)

#### Vĩ mô và Bảo hiểm

Cameron Joyce, Trưởng phòng, ext 163

#### Vĩ mô

- Hoàng Thúy Lương, Chuyên viên cao cấp, ext 364
- Trương Thanh Nguyễn, Chuyên viên, ext 132

#### Dầu khí và Điện

##### Đinh Thị Thùy Dương, Trưởng phòng cao cấp, ext 140

- Ngô Thùy Trâm, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Nguyễn Đắc Phú Thành, Chuyên viên, ext 173
- Lê Phước Đức, Chuyên viên, ext 196

#### Công nghiệp và Vận tải

- Hoàng Nam, Chuyên viên cao cấp, ext 124

- Thái Nhật Đăng, Chuyên viên, ext 149

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.